

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 29-TC/TCT/CS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 1992

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 114/HĐBT ngày 7 tháng 4 năm

1992 của Hội đồng Bộ trưởng về quản lý Nhà nước đối với xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Nghị định số 114/HĐBT ngày 7-4-1992 của Hội đồng Bộ trưởng về quản lý Nhà nước đối với xuất khẩu, nhập khẩu và các Luật thuế, các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành; Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện miễn, giảm thuế đối với doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu và sản xuất hàng có thể thay thế hàng nhập khẩu như sau:

I. ĐỐI VỚI SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU

1. Về thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt:

Điều 2 Luật Thuế doanh thu và Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt quy định sản xuất hàng hoá xuất khẩu không phải nộp thuế doanh thu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt - áp dụng không thu thuế doanh thu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp cụ thể sau:

a. Đối với sản xuất hàng xuất khẩu:

Doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh sản xuất được trực tiếp xuất khẩu hay uỷ thác xuất khẩu hàng do mình sản xuất ra.

Doanh nghiệp trực tiếp bán hàng hoá do mình sản xuất cho một doanh nghiệp khác được phép kinh doanh xuất khẩu, có hợp đồng kinh tế hợp lệ và mặt hàng bán ra, nằm trong ngành hàng đã đăng ký trong giấy phép xuất khẩu do Bộ Thương mại và Du lịch cấp cho đơn vị kinh doanh xuất khẩu.

Trong trường hợp này, doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu mua hàng hoá với giá không có thuế doanh thu hay thuế tiêu thụ đặc biệt. Nếu sau đó không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì phải khai báo kịp thời với cơ quan thuế số hàng hoá tiêu thụ trong nước này và truy nộp

thay phần thuế doanh thu (hay thuế tiêu thụ đặc biệt) cho cơ sở sản xuất, tính trên giá mua vào (ngoài các loại thuế mà doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phải nộp theo quy định). Trường hợp man khai, trốn, lậu thuế sẽ bị xử lý theo đúng những quy định hiện hành.

b. Đối với hình thức gia công xuất khẩu:

Sản xuất hàng xuất khẩu dưới hình thức gia công cũng được miễn thuế doanh thu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt, cụ thể như sau:

Doanh nghiệp B nhận gia công hàng hoá cho một doanh nghiệp A; Doanh nghiệp A được Bộ Thương mại và Du lịch cấp giấy phép kinh doanh xuất khẩu (gồm cả doanh nghiệp chuyên kinh doanh xuất khẩu và doanh nghiệp sản xuất được trực tiếp xuất khẩu), có hợp đồng kinh tế hợp lệ và mặt hàng gia công nằm trong ngành hàng đã đăng ký trong giấy phép xuất khẩu được cấp.

Trường hợp có đủ điều kiện như trên, song doanh nghiệp B nhận gia công lại chuyển hàng giao công lại cho doanh nghiệp C, có hợp đồng kinh tế hợp lệ, thì doanh nghiệp C nhận gia công lại hàng xuất khẩu đó cũng không phải nộp thuế doanh thu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trong cả hai trường hợp trên đây, nếu hàng hoá không được xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì doanh nghiệp A được phép xuất khẩu phải khai báo với cơ quan thuế để nộp thuế doanh thu (theo thuế suất ngành sản xuất) đồng thời phải nộp thay phần thuế doanh thu cho doanh nghiệp nhận gia công căn cứ hợp đồng gia công đã ký. Nếu là mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì doanh nghiệp A, chỉ phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với số sản phẩm không xuất khẩu đem tiêu thụ trong nước. Mọi trường hợp vi phạm đều bị xử lý theo những quy định hiện hành đối với từng loại thuế.

2. Thuế lợi tức:

Doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu được giảm thuế lợi tức nếu dùng lợi nhuận để tái đầu tư. Tỷ lệ giảm thuế bằng tỷ lệ số tiền đã chi về tái đầu tư với lợi tức chịu thuế trong năm, nhưng mức giảm tối đa không quá 50% (năm mươi phần trăm) số lợi tức phải nộp trong năm.

Nội dung, thủ tục và thẩm quyền xét giảm thuế lợi tức trong trường hợp này thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại phần IV mục 3 Thông tư số 47-TC/TCT ngày 4-10-1990 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế lợi tức.

II. ĐỐI VỚI SẢN XUẤT HÀNG CẦN THAY THẾ HÀNG NHẬP KHẨU

Điều 10, Nghị định số 114-HĐBT ngày 7-4-1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định: "Các doanh nghiệp sản xuất hàng cần thay thế hàng nhập khẩu được xét giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức trong thời gian sản xuất ban đầu".

1. Điều kiện được xét giảm thuế: Được xét giảm thuế cho doanh nghiệp nếu có đủ các điều kiện như sau:

Mặt hàng sản xuất cần thay thế hàng nhập khẩu nằm trong danh mục quy định trong từng thời kỳ của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Doanh nghiệp mới bắt đầu sản xuất mặt hàng đó (tính từ thời điểm ngày 7-4-1992 là ngày ban hành Nghị định số 114-HĐBT), bao gồm cả trường hợp trước đây đã sản xuất nhưng gián đoạn (do nghỉ, chuyển đổi mặt hàng...), nay bắt đầu sản xuất lại. Trong trường hợp này thời gian gián đoạn tối thiểu từ 2 (hai) năm trở lên.

Doanh nghiệp chấp hành nghiêm chỉnh chế độ sổ sách kế toán quy định; hạch toán đầy đủ, rõ ràng, chính sách mặt hàng thuộc đối tượng được giảm thuế.

Trong những trường hợp đặc biệt về sản xuất hàng cần thay thế hàng nhập khẩu được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (hoặc Bộ chủ quản) và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đề nghị bằng văn bản, Bộ Tài chính có thể xét và giải quyết giảm thuế cho từng trường hợp cụ thể.

2. Mức và thời gian được xét giảm thuế.

a. Về thuế doanh thu

Mức xét giảm thuế doanh thu không quá 50% (năm mươi phần trăm) số thuế doanh thu phải nộp của mặt hàng được xét.

Thời gian được xét giảm thuế tối đa không quá 1 (một) năm và giới hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của bảng danh mục hàng cần thay thế hàng nhập khẩu do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ban hành.

Ví dụ: Một mặt hàng của cơ sở X được quyết định giảm thuế doanh thu trong 1 năm, từ 1-7-1992 đến 30-6-1993. Nhưng đến 31-12-1992 (6 tháng sau), Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thay đổi danh mục hàng cần thay thế hàng nhập khẩu, trong đó mặt hàng của cơ sở X không còn nằm trong danh mục này nữa thì quyết định giảm thuế cũng hết hiệu lực ở ngay thời điểm 31-